

Tiểu sử Phan Chu Trinh

Phan Chu Trinh sinh năm Nhâm Tuất (1872) niên hiệu Tự Đức 26, tự là Tử Can, hiệu là Tây Hồ, biệt hiệu là Hy Mã, quê ở xã Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Thân phụ ông là Phan Văn Bình, theo nghề võ và đã tích cực chiến đấu trong hàng ngũ Cần Vương. Thân mẫu là Lê Thị Chung, con một nhà thế gia vọng tộc tại làng Phú Lâm rất tinh thông Hán học và có nhiều đức hạnh. Thuở thiếu thời Phan Chu Trinh được hiền mẫu ân cần chăm sóc, trong khi phụ thân mãi lo công việc võ biên. Chẳng may mẹ mất sớm, vì cha phải bận với võ nghiệp, ít săn sóc đến việc học hành hành nên mãi đến năm lên 10, Phan Chu Trinh mới được vào trường học tập. Vì mối tình yêu nước sớm nảy nở trong trí của Phan Chu Trinh nên trong lúc các bạn đồng học chăm chỉ ngón những lời giảng dạy của thầy để nhồi vào óc đạo lý và chữ nghĩa của Thánh hiền, ông tỏ ra rất xao lãng, thờ ơ. Do đó, trong suốt ba năm liên học tập, Phan Chu Trinh chỉ học lấy lệ Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi phải chạy trốn ra Quảng Trị. Các đạo Cần Vương kháng Pháp nổi lên khắp các nơi. Để cho Phan Chu Trinh có một nghề hợp khả năng và cũng đồng thời được đặc dụng trong buổi non sông nghiêng ngửa, thân phụ ông cho ông theo học nghề võ. Lúc bấy giờ thân phụ ông được cử làm Chuyển vận sứ đồn A Bá thuộc hạt Tam Kỳ.

Năm 1887, vì nghi kỵ, thân phụ Phan Chu Trinh bị hại, việc học tập võ nghệ của ông bị gián đoạn. Nhờ người anh cả rước thầy về cho ông tiếp tục học nghề văn. Vì nhận thấy muốn có uy tín để thực hiện chí lớn tron việc cách mạng để giành lại chủ quyền của đất nước, nên ông đổi sang học nghề nghiên bút, chớ thực ra ông không bao giờ thích cái lối học hư văn. Theo học bốn năm ở nhà. Phan Chu Trinh tỏ ra thông minh tuyệt vời, ông thường có những lý luận sâu sắc, những nhận xét tinh vi.

Năm 1889, theo thụ nghiệp với vị Đốc học Trần Mã Sơn, Phan Chu Trinh được bổ vào ngạch học sinh.

Năm 1900, trong kỳ thi Hương, Phan Chu Trinh thi đỗ Cử Nhân, và qua năm sau 1901, ông đỗ Phó Bảng (nhằm niên hiệu Thành Thái thứ 13).

Ông được bổ làm Thừa Biện ở Huế, ít lâu sau, người anh cả của ông mất, ông xin về quê dạy học. Năm 1903, ông được bổ làm Thừa Biện ở Bộ Lễ. Trong thời gian từ 1902 đến 1905, Phan Chu Trinh có dịp học những tác phẩm có tư tưởng cách mạng của Jean-Jacques Rousseau, Montesquieu, Voltaire... Càng tiếp xúc nhiều với các quan trường, Phan Chu Trinh càng thấy rõ cảnh thối nát, hủ bại trên đường cử nghiệp.

Lúc bấy giờ lực lượng Cần Vương lần lần tan rã, thực dân Pháp bắt đầu đặt nền thống trị trên đất nước Việt Nam. Trước cảnh non sông nghiêng ngửa, nhận thấy sự bất lực và thối nát của triều đình Huế, Phan Chu Trinh xin từ quan và bắt đầu hoạt động chính trị với các ông Phan Bội Châu, Lương Ngọc Can, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp.

Mặc dù rất đau xót trước cảnh người Pháp ngược đãi người Việt Nam, quan điểm của ông trước mắt chưa nên đặt nhiệm vụ khôi phục chủ quyền quốc gia, độc lập dân tộc, mà nhiệm vụ cấp bách là phải:

- Chấn dân khí: thức tỉnh tinh thần tự lực tự cường, mọi người giác ngộ được quyền lợi của mình, giải thoát được nọc độc chuyên chế.
- Khai dân trí: bỏ lối học tầm chương trích cú, mở trường dạy chữ Quốc ngữ, kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa.
- Hậu dân sinh: phát triển kinh tế, cho dân khai hoang làm vườn, lập hội buôn, sản xuất hàng nội hóa...

Sau khi từ quan về hoạt động chính trị, Phan Chu Trinh đã cùng với hai bạn đồng khoa là Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng rủ nhau vào Nam vận động đồng bào các giới. Vào đến Bình Định gặp lúc quan tỉnh mở một kỳ thi cho học trò, đầu bài là Chí thành thông thánh và Lưỡng Ngọc danh sơn ba ông mạo tên là Đào Mộng Giác nộp quyền làm bài Phan Chu Trinh làm bài thơ và hai ông Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng làm bài phú. Những bài này không theo quy tắc thông thường mà cốt để thức tỉnh

nhóm sĩ phu. Quan tỉnh không dám quả quyết phải dịch sang chữ Pháp để trình viên Khâm sứ đồng thời truy tầm tác giả của hai bài văn cách mạng kia, nhưng không có kết quả. Việc này đã có ảnh hưởng lớn đến đám sĩ phu thời bấy giờ. Tối Phan Thiết, Phan Chu Trinh bị bệnh phải quay trở về Huế. Sau mấy tháng dưỡng bệnh, ông ra Bắc tìm cách lên Yên Thế để gặp Hoàng Hoa Thám, nhưng chính sách bạo động của Hoàng Hoa Thám không thích hợp với chủ trương của ông, nên ông lại xuống Trung Châu Bắc Việt vận động với nhóm nho sĩ Bắc Hà. Đầu đầu ông cũng đề xướng chủ trương tân học, cực lực đả kích các quan trường tham lam và những nhà hủ nho. Trong thời gian này ông kết nạp được một số đồng chí đáng kể. Phan Chu Trinh tán thành phong trào xuất dương du học do Phan Bội Châu khởi xướng. Lời kêu gọi của Phan Bội Châu, với sự hưởng ứng của Phan Chu Trinh gây được một phong trào xuất dương rất rầm rộ. Để được quan sát tại chỗ sự tiến triển của các nước, Phan Chu Trinh liền trốn sang Trung Hoa. Ông gặp Phan Bội Châu tại Hương Cảng rồi hai ông cùng sang Nhật. Ở đó được 10 tháng, ông lên đường về nước (năm 1906). Phan Chu Trinh quyết đứng ra tranh đấu công khai với chính quyền bảo hộ Pháp. Ngày 15 tháng 8 năm Bính Ngọ (1906), ông gửi lên Toàn Quyền Pháp ở Đông Dương một bức thư dài 12 trang gồm mấy điểm sau đây:

- Do sự dung túng của chính quyền Bảo Hộ mà những bọn tham quan ô lại lộng hành khiến cho người Việt Nam bạc nhược suy yếu.

- Chính quyền Bảo Hộ đã dùng một chính sách bạo ngược, tàn ác đối với dân Việt Nam, không tôn trọng sinh mạng con người, muốn chém giết ai tùy ý.

- Do những cách đối xử tàn ác này, mà bọn quan lại lợi dụng quyền thế bắt nạt dân chúng, tìm cách vơ vét cho đầy túi tham, gây nên một tình trạng bị đất trong dân chúng. Bức thư của Phan Chu Trinh đã có ảnh hưởng rộng lớn trong dân chúng. Ông bắt đầu hoạt động mạnh, hô hào tổ chức nhiều buổi diễn thuyết tại trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Thực dân Pháp để ý căm thù và triều đình Huế cũng rất bức tức quyết tìm cách hãm hại ông. Nhưng Phan Chu Trinh vẫn không màng đến, ông đứng ra lãnh đạo phong trào duy tân, khuyến khích đồng bào mở trường dạy học, lập các hội buôn như Đông Kinh Nghĩa Thục, Hồng Hưng Tân, công ty Minh Tân, ông cảm hóa được rất nhiều nhân sĩ. Phan Chu Trinh lại hô hào thanh niên vận Âu phục, cắt tóc ngắn, ủng hộ các sản phẩm và hàng nội hóa để giúp cho nền kinh tế trong nước được dồi dào. Đa số thanh niên trong toàn quốc đã nhiệt liệt hưởng ứng phong trào duy tân này.

Năm 1908, tại tỉnh Quảng Nam phong trào kháng thuế nổi lên mạnh mẽ lan rộng các tỉnh miền Trung Việt. Đầu mùa Xuân năm 1908, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Đông Kinh Nghĩa Thục. Nhân việc kháng thuế ở Quảng Nam, vốn đã không ưa Phan Chu Trinh vì ông đã nhiều lần đả kích và nguyên rửa thậm tệ chúng, nên bọn quan lại Nam triều và thực dân Pháp đổ cho ông "xúi dân làm loạn" và "phá rối" liền bị hạ lệnh bắt ông... Rất nhiều nhân sĩ bị bắt, và trong dịp này, ông nghề Trần Quý Cáp bị Nam Triều lên án xử chém tại Nha Trang. Riêng Phan Chu Trinh bị bắt đem về giam tại tòa Khâm Sứ. Để phản đối hành động khủng bố của thực dân, Phan Chu Trinh tuyệt thực trong bảy ngày. Nhận thấy tình thế khó xử, viên Khâm Sứ Pháp phải giao trả ông về Cơ Mật Viện của tòa án Nam Triều, ông bị bọn quan lại kết án tử hình. Nhờ có hội Nhân Quyền can thiệp với chánh phủ Pháp. Chính quyền Bảo Hộ phải điều đình với Nam Triều đổi bản án "tử hình" ra "Côn lôn ngộ xá bất nguyên" (bị đày ra Côn đảo mãn kiếp không được ân xá). Bỏ giam ở nhà lao Phủ Thừa được ít lâu, Phan Chu Trinh bị đày đi Côn đảo. Lúc đi ngang qua cửa Thượng Tứ (Huế), ông đã ngâm bốn câu thơ bằng chữ Hán mà ông Phan Khôi đã dịch như sau Mang xiềng nhẹ bước khỏi đô môn,

Hăng hái hò reo lưỡi vẫn còn
Đất nước hăm chìm dân tộc héo
Làm trai đâu xá thứ Côn Lôn

Trong cảnh tù đầy, nhưng Phan Chu Trinh rất được chính phủ Pháp trọng đãi và kính nể. Chính viên Thống Đốc Nam Kỳ đã ra tận Côn đảo để tìm hiểu lập trường tranh đấu của ông. Năm 1910, nhờ có hội Nhân Quyền Pháp (do sự vận động của ông Ernest Babut trong 3 năm trời) can thiệp ráo riết với chính phủ Pháp, thủ tướng Pháp lúc bấy giờ là Klobulowsky và Tổng trưởng Bộ Thuộc địa là Trouillet lập Hội đồng để xét án Phan Chu Trinh. Chánh Tham Biện tỉnh Mỹ Tho là Cousineau được cử làm chánh án. Mặc

dù đã được ân xá, nhưng ông cũng bị thực dân Pháp tìm cách giữ mãi tại Mỹ Tho. Ông phản kháng và cương quyết đòi trở về Côn Đảo. Chính phủ Pháp đành phải để ông tự do. Vì muốn tranh đấu có hiệu quả trong việc cải cách nền chính trị nước nhà và đồng thời để được học hỏi thêm, năm 1911, Phan Chu Trinh đã sang Pháp với Toàn Quyền Klobulowsky, cùng theo ông có người con trai tên là Phan Chu Dật.

Tại Paris, ông gởi con vào trường học còn ông thì lại làm nghề rửa ảnh để sinh sống. Dù cho phải sống xa quê hương, ông vẫn không ngừng hoạt động tranh đấu cho đất nước. Ông viết báo Pháp phản đối việc đào lũng Tự Đức, yêu cầu chính phủ Pháp nên cấp tốc thay đổi chính sách thuộc địa, giáo dục tinh thần tranh đấu của Việt kiều tại Pháp. Ông tìm cách liên kết với các lãnh tụ thuộc đảng cấp tiến ở Pháp. Ông không tiếc lời đã kích những nạn tham nhũng thối nát của thực dân Pháp ở Đông Dương và chỉ trích chính sách cai trị của họ. Phái khuynh tả ở Pháp rất tán thành việc làm của Phan Chu Trinh, nhưng các quan lại ở các thuộc địa Pháp rất căm thù và oán ghét. Tiền trợ cấp của ông và tiền học bổng của con ông là Phan Chu Dật đều bị truất, đó là kết quả sự trả thù của thực dân. Hai cha con ông phải sống kham khổ và vất vả với số lương rửa ảnh của ông hàng tháng là 50 quan. Dù phải sống trong cảnh đói rét, khốn khổ đủ mọi bề, Phan Chu Trinh vẫn cương quyết tranh đấu cho lý tưởng cao cả.

Năm 1914, chiến tranh Pháp Đức bùng phát, tại quê nhà vua Duy Tân nhân cơ hội đó gây biến, nhưng cuộc khởi nghĩa thất bại, Trần Cao Vân và Thái Phiên bị xử chém. Vua Thành Thái và Duy Tân bị thực dân Pháp đày sang đảo Réunion. Vì không chịu đi lính cho Pháp để đánh Đức, Phan Chu Trinh bị vu cáo là làm gián điệp cho Đức, nên ông bị bắt giam vào ngục SANTE. Nơi đây ông bị hăm dọa đủ điều, nhưng tâm kiên trung vẫn không bao giờ thay đổi. Dùng võ lực không được, người ta đã đem tiền bạc, quyền tước để mua chuộc ông, nhưng cũng vô hiệu quả. Nhờ sự can thiệp của Đảng Xã Hội và Hội Nhân Quyền Pháp, năm 1915 chính phủ Poincaré phải ký giấy phóng thích ông. Vừa thoát khỏi cảnh giam cầm, Phan Chu Trinh lại phải khóc con. Phan Chu Dật sau 6 năm học tập đã thi đỗ bằng Tú Tài Vật Lý Học, được cha ủy thác sứ mạng về nước để hoạt động. Vì bao năm sống thiếu thốn đói lạnh, Chu Dật mang phải bệnh lao phổi. Về đến quê nhà chưa đầy một năm, Chu Dật mất.

Năm 1922, vua Khải Định sang dự cuộc đấu xảo quốc tế ở Ba Lê, Phan Chu Trinh gởi cho nhà vua một bức thư lời lẽ nghiêm khắc buộc Khải Định phải thoái vị nhường quyền lại cho quốc dân và kể bảy tội nhà vua đã làm và đáng tội chém đầu. Có đoạn ông đã viết: "...Một là vì Trinh này đối cùng bệ hạ đã đoạn tuyệt hẳn, không còn một chút quan hệ gì, chỉ đứng vào cái địa vị đối đãi mà thôi, cho nên bức thư này không phải dâng lên cho bệ hạ mà chính là gửi cho bệ hạ, hai chữ bệ hạ mà tôi dùng đây, chẳng qua là cái tiếng xưng hô đã quen trong Hán văn đó mà thôi... ngày nay Trinh này đề thư cứ gửi ngay cho ông Bửu Đảo là cái tên hủ của bệ hạ, để tỏ ý phản đối." Bức thư của ông, sau khi được công bố, khích động được tinh thần tranh đấu của đồng bào trong và ngoài nước.

Năm 1925, chính phủ Pháp nhận thấy Phan Chu Trinh là một người ái quốc chân chính có chính sách ôn hòa, nên có ý muốn giúp đỡ ông. Phái tả đảng bên Pháp từ lâu đã có cảm tình với ông được thắng phiếu trong cuộc bầu cử Nghị Viện và lên nắm chính quyền. Thấy cơ hội thuận tiện cho mình đem tài trí ra giúp dân giúp nước, ông xin trở về quê nhà và được chính phủ Pháp chấp nhận.

Về đến Saigon, Phan Chu Trinh có ý định ở lại trong Nam ít lâu rồi sẽ ra Trung Bắc để hoạt động. Dù tuổi già sức yếu, bệnh hoạn vì bao năm sống vất vả thiếu thốn ở Pháp, Phan Chu Trinh vẫn hăng hái tranh đấu. Ông vận động với nhà cầm quyền Pháp để xin ân xá cho Phan Bội Châu bị bắt ở Thượng Hải và soạn hai bài diễn văn để đọc trước công chúng:

1. Đạo đức và luân lý Đông Tây
2. Quân trị chủ nghĩa, dân trị chủ nghĩa

Hai bài diễn văn trên đây đã bày tỏ được chính kiến của một nhà cách mạng chân chính, với lòng yêu nước nhiệt thành. Ngày 24-12-1925, sau khi hay tin việc vận động xin ân xá của quốc dân đã có kết quả và Toà Quyền Varenne đã ký giấy ân xá Phan Bội Châu. Phan Chu Trinh định ra Huế để được gặp người bạn đồng chí để cùng nhau tâm sự, nhưng ông bị đau không đi được. Các sinh viên trường Đại học Hà

Nội đánh điện văn mời ông ra Bắc để diễn thuyết. Chưa kịp đi thì ông được biết tin vua Khải Định mất. Phan Chu Trinh đánh điện tín cho Pasquier Khâm sứ Trung Kỳ hay ông sẽ ra để lo việc cải tổ triều chính và lập dân đảng.

Tiếc thay đại cuộc chưa thành, bệnh tình của Phan Chu Trinh mỗi ngày một thêm trầm trọng. Ngày 24 tháng 3 năm 1926 (nhằm ngày 12 tháng 2 năm Bính Dần) nhà cách mạng ái quốc Phan Chu Trinh đã trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ được 55 tuổi. Một Hội đồng trị sự được thành lập ngay đêm đó để lo việc an táng cho ông ngày 4-4-1926 khắp từ Nam chí Bắc đều tự động làm lễ bãi khóa và làm lễ quốc táng nhà chí sĩ Phan Chu Trinh rất trọng thể để chứng tỏ tấm lòng ngưỡng mộ và mến tiếc nhà cách mạng đã suốt đời vì dân vì nước.